

Số: 942 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0828.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : KTV. Sang

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 15/10/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 15/10/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	16/10/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	16/10/2019
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,96	2	16/10/2019
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,4	0,3 - 0,5	16/10/2019
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	28,00	250,00	16/10/2019
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	120,00	300,00	16/10/2019
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,32	2	16/10/2019
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	4,26	15	16/10/2019
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	16/10/2019
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/10/2019
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,56	50	16/10/2019
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	0,02	3	16/10/2019
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	6,57	6,5 - 8,5	16/10/2019
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,25	0,3	16/10/2019
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	93,2	250	16/10/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0828.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 10 năm 2019

10 GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC



BSCKI. Phan Minh Luân

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9338 - 13013 (E) (*)	0	0	16/10/2019
2	Escherichia coli (CFU/100ml)	ISO 9338 - 13014 (E) (*)	0	0	16/10/2019
3	Chỉ số peracangan (mg/L)	TCVN 6150 - 1998 (*)	0,96	2	16/10/2019
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012	0,4	0,3 - 0,5	16/10/2019
5	Cloran (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012	28,00	250,00	16/10/2019
6	Bộ dụng cụ tổng tính theo	SMEWW 2100 - 2012 (*)	150,00	300,00	16/10/2019
7	Bộ độc (ITU)	SMEWW 2100 - 2012	0,32	2	16/10/2019
8	Bộ độc (mức độc) (TCU)	SMEWW 2100 - 2012 (*)	4,56	18	16/10/2019
9	Chỉ số tổng số (mg/L)	SMEWW 2500 Mn-B-2012 (*)	0,06	0,3	16/10/2019
10	Mn (mg/L)	Không có một vi là	Không có một vi là	Không có một vi là	16/10/2019
11	Nitrat (mg/L)	TCVN 6150 - 1998	1,36	60	16/10/2019
12	Nitrit (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012 (*)	0,02	3	16/10/2019
13	pH	TCVN 6150 - 1998 (*)	6,57	6,5 - 8,5	16/10/2019
14	Bộ dụng cụ tổng tính theo	SMEWW 2500 Mn-B-2012 (*)	0,55	0,3	16/10/2019
15	Chỉ số tổng số (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl-B-2012 (*)	43,2	250	16/10/2019

Số: 913 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0829.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : KTV. Sang

Địa điểm lấy mẫu : Trần Minh Quang, ấp Chợ, TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 15/10/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 15/10/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	16/10/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	16/10/2019
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,88	2	16/10/2019
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,43	0,3 - 0,5	16/10/2019
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,19	2	16/10/2019
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,32	15	16/10/2019
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	16/10/2019
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,27	0,3	16/10/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN

01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 10 năm 2019

19 GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BSCKI. Phan Minh Luân